

Số: 626 /QĐ-CT

Vĩnh Phúc, ngày 04 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số: 77/TTr-SVHTTDL ngày 24 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 30 Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc thẩm quyền giải

quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (*có Danh mục kèm theo*).

Điều 2. Giao trách nhiệm công khai danh mục, nội dung thủ tục hành chính:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh công khai đầy đủ danh mục và nội dung sửa đổi, bổ sung 30 danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Cổng thông tin và giao tiếp điện tử của tỉnh; Rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này trong thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Văn phòng UBND tỉnh nhập, đăng tải công khai dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định; Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh có trách nhiệm niêm yết, công khai các thủ tục hành chính tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể dục thể thao có số thứ tự từ 61 đến 64 và từ 68 đến 93 tại mục B phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-CT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND Tỉnh Vĩnh Phúc về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận :

- Cục KSTTHC- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin - GTĐT tỉnh;
- VNPT Vĩnh Phúc;
- Lưu: VT, KSTT, KS3, KS5

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Việt Văn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CT ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ²	đồng/CLB	600.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² đến dưới 2.000m ²	đồng/CLB	800.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 2.000m ² đến dưới 3.000m ²	đồng/CLB	1.000.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 3.000m ² đến dưới 5.000m ²	đồng/CLB	1.500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 5.000m ² đến dưới 10.000m ²	đồng/CLB	2.000.000
	6	Cơ sở có diện tích 10.000m ² trở lên	đồng/CLB	3.000.000
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>			
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 1 phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao			

	thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
--	--

2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000 m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p>			
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 2, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			

3. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận

Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện
Phí, lệ phí	Không quy định.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 3 phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng.

Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện
Phí, lệ phí	Không quy định.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 4 phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga.

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).

Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. 			
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 5, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			

6. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện

	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
Phí, lệ phí	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000 m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2017. - Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. 			
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 6, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>			

7. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).

Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>			
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 7, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			

8. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
---------------------	---

Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2018. - Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. 			
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 8, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			

9. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate. - Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. 			
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 9, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao			

	thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
--	--

10. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn. - Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. 			
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 10, phần II ban hành kèm theo Quyết			

	định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
--	---

11. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billiards & Snooker, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2018. - Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy 			

	định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 11, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

12. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân 			

	<p>viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 3 năm 2018.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 12, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

13. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị</p>			

	<p>định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Điều bay, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 13, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

14. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một</p>			

	<p>số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 3 năm 2018.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 14, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

15. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000 m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.			

	<p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2018.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 15, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

16. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000

Căn cứ pháp lý	<p>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 3 năm 2018.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 16, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

17. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000

	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>			
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 17, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>			

18. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).

Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lân Sư Rồng, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2018. - Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. 			
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 18, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>			

19. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000 m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ đạo thể thao giải trí, có hiệu lực từ ngày 23 tháng 3 năm 2018. - Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. 			
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 19, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao			

	thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
--	--

20. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000 m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 3 năm 2018. - Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. 			

Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 20, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
---------	---

21. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 4 năm 2018. 			

	- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 21, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

22. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p>			

	<p>- Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 23, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

23. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị</p>			

	<p>định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 24, phần ban hành kèm theo II Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

24.Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin.

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000 m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một</p>			

	<p>số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 25, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

25. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao.

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.			

	<p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng thể thao.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 27, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

26. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000

Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 28, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

27. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu.

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000

	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>			
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 29, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>			

28. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao.

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện

	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
Phí, lệ phí	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.</p> <p>- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.</p> <p>- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2018.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>			
Ghi chú	<p>Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 30, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>			

29. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
---------------------	---

Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2018. - Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. 			
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 31, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			

30. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao

Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
Địa điểm thực hiện	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).			
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện			
Phí, lệ phí	STT	Danh mục các loại phí, lệ phí	ĐVT	Mức thu phí, lệ phí
	1	Cơ sở có diện tích đến dưới 200m ²	đồng/cơ sở	200.000
	2	Cơ sở có diện tích từ 200m ² đến dưới 300m ²	đồng/cơ sở	300.000
	3	Cơ sở có diện tích từ 300m ² đến dưới 500m ²	đồng/cơ sở	400.000
	4	Cơ sở có diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000 m ²	đồng/cơ sở	500.000
	5	Cơ sở có diện tích từ 1.000m ² trở lên	đồng/cơ sở	600.000
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2024. - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. - Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. 			
Ghi chú	Các nội dung còn lại của danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại số thứ tự 32, phần II ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể			

	thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
--	---